

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 857/2026/DS-PT
Ngày: 30-06-2026
Về việc: tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán: Bà Dương Thúy Hằng
Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn, *Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 817/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 24 tháng 09 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 764/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: 440 Ấp D, Phường T, tỉnh Tây Ninh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2025) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Tấn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và lời trình bày

trong quá trình giải quyết vụ án của ông Đào Văn N là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có nội dung như sau:

Ngày 08/01/2023, bà Nguyễn Thị Kim L có cho ông Lê Tấn Đ vay số tiền 350.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 08/01/2023 đến 08/01/2025), hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Bà L đã giao đủ tiền cho ông Đ. Hai bên có viết Giấy mượn tiền ghi ngày 08/01/2023, nội dung giấy mượn tiền do ông Đ viết, có ông Đ ký và ghi rõ họ tên. Phần nội dung ghi “ngày 08/01/2023, người giao tiền đã giao đủ tiền 350 triệu đồng đến tháng 01/2025 trả tất nợ” là do bà L viết, ký, ghi rõ họ tên.

Bà L và ông Đ trước đây có sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nhưng bà L đã về nhà mẹ ruột bà L ở. Theo bà L thì bà L cho ông Đ mượn tiền nhiều lần, thời điểm cho mượn số tiền này là hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên bà L mới yêu cầu viết lại giấy tờ. Bà L làm công việc nội trợ, ngoài ra có may đồ thêm, bà L không có nghĩa vụ phải chứng minh nguồn tiền từ đâu mà có cho ông Đ vay.

Từ khi vay đến nay thì ông Đ chưa trả cho bà L được tiền lãi hay gốc nào. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Lê Tấn Đ phải trả số tiền nợ vay, cụ thể nợ gốc 350.000.000đ, nợ lãi với mức lãi suất theo hợp đồng vay 1,6%/tháng từ ngày 08/01/2023 đến ngày 08/01/2025 là 134.400.000đ, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 09/01/2025 đến ngày 09/07/2025 là 50.400.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 534.800.000đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 10/7/2025 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bà L đã cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023, nếu ông Đ cho rằng không phải chữ ký chữ viết của mình thì đề nghị chứng minh, bà L không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết trong Giấy mượn tiền này.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau: Ông và bà L sống chung như vợ chồng khoảng từ năm 2019 đến trước khi bà L khởi kiện thì bà L dọn ra riêng, quá trình sống chung có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh năm 2024, con chung hiện đang sống với bà L, ông và bà L không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông nhiều lần cho tiền để bà L trả nợ chứ hoàn toàn không có việc ông mượn tiền của bà L như bà L trình bày, bà L còn yêu cầu ông ký giấy mượn tiền của người khác dùm bà L và phải trả tiền dùm bà L nhiều lần (ông mới trả cho ông Nguyễn Minh T1 là anh ruột của bà L dùm cho bà L số tiền 340.000.000đ và trả dần cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 210.000.000đ,...). Trong quá trình sống chung với bà L từ năm 2019 đến ngày 01/8/2025, ông và bà L không có phát sinh mâu thuẫn. Bà L may đồ nhưng thu nhập thấp, cuộc sống rất khổ. Giấy mượn tiền ghi ngày 08/01/2023 hoàn toàn không phải chữ ký, chữ viết của ông nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông làm nghề tự do, ai thuê gì làm đó, thu nhập không cố định. Do chữ ký, chữ viết trong Giấy mượn tiền không phải chữ ký, chữ viết của ông nên ông không yêu cầu giám định, nếu muốn giám định thì bà L có thể yêu cầu giám định. Ông đề nghị nguyên đơn đưa ra hình ảnh, chứng cứ chứng minh có cho ông mượn tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Đào Văn N đại diện cho bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng, bà L và ông Đ chung sống thì tiền ai nấy sai, bà L tự lo tiền sinh hoạt chứ không sử dụng tiền của ông Đ. Theo Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023, bà L cho ông Đ vay số tiền 350.000.000đ, trong đó có 50.000.000đ bà L cho ông Đ mượn trước đó (bà L không nhớ cụ thể thời gian) nên tổng cộng ông Đ viết giấy mượn tổng cộng 350.000.000đ. Nay bà L yêu cầu ông Đ trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 564.939.200đ, trong đó nợ gốc 350.000.000đ, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 09/01/2023 đến ngày 08/01/2025 là 134.400.000đ, lãi quá hạn với mức lãi suất 150% x 1,6 = 2,4%/tháng từ ngày 09/01/2025 đến ngày 24/9/2025 là 71.400.000đ, lãi trên nợ lãi chậm trả với mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày 09/01/2025 đến ngày 24/9/2025 là 9.139.200đ. Ngoài ra bà L có cung cấp thêm bản tường trình của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc T3 là những người đã chứng kiến việc ông Đ mượn và viết giấy vay tiền cho bà L. Đối với những khoản tiền ông Đ nêu tại phiên tòa, phía bà L không thừa nhận và nó cũng không liên quan đến khoản tiền vay này nên nếu ông Đ có muốn cần trừ thì bà L cũng không đồng ý. Bà L không yêu cầu giám định, nếu ông Đ không thừa nhận thì ông Đ có quyền yêu cầu giám định. Bà L yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Ông Đ xác định không có vay mượn bất kỳ số tiền nào của bà L, không viết và ký Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023 do bà L cung cấp. Quá trình chung sống với bà L, bà L rất khổ mà còn ham mê cờ bạc (có hộ chiếu của bà L chứng minh bà L đi casino rất nhiều lần và nhiều giấy cầm đồ), ông phải bỏ tiền ra chăm lo cuộc sống của mẹ con bà L, mua rất nhiều tài sản cho bà L, đồng thời phải trả dùm bà L rất nhiều lần mặc dù ông không phải người vay tiền. Ông đã cung cấp một số tài liệu có chữ ký của ông nên Tòa án có thể xem xét có phải chữ ký của ông không hoặc bà L phải đóng tiền để giám định chữ ký chữ viết trong Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023, ông không có tiền để đóng và cũng không yêu cầu giám định.

Tại Bản án sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 24 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lê Tấn Đ.

Buộc ông Lê Tấn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vay 564.939.200đ (năm trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 134.400.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn tính đến ngày 24/9/2025 là 71.400.000đ (bảy mươi một triệu, bốn trăm nghìn

đồng), lãi trên nợ lãi chậm trả tính đến ngày 24/9/2025 là 9.139.200đ (chín triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày 25/9/2025, ông Lê Tấn Đ phải tiếp tục chịu lãi chậm trả trên số tiền còn phải thi hành án đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đến khi có quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/2025, bị đơn ông Lê Tấn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Bị đơn là ông Lê Tấn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông cho rằng ông không vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 350.000.000 đồng, không viết, không ký vào Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023. Tại cấp phúc thẩm, ông đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền; kết luận giám định của cơ quan chuyên môn không xác định được chữ ký, chữ viết là của ông. Do đó, ông đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L không đồng ý với kháng cáo của ông Đ. Bà L xác định có cho ông Đ vay số tiền 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023. Việc Kết luận giám định không xác định được chữ ký, chữ viết không có nghĩa là chữ ký, chữ viết đó không phải của ông Đ. Ngoài giấy mượn tiền, bà L còn có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc T3 xác nhận việc giao tiền, viết giấy vay. Vì vậy, bà L đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Lê Tấn Đ hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Kết luận giám định ngày 16/5/2026 và Kết luận giám định bổ sung ngày 17/6/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đều xác định không đủ cơ sở để kết luận chữ ký và chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023 có phải do ông Lê Tấn Đ ký, viết hay không. Do đó, Giấy mượn tiền chưa đủ giá trị chứng minh việc ông Đ xác lập giao dịch vay tài sản với bà Nguyễn Thị Kim L. Ngoài tài liệu này, nguyên đơn không cung cấp được

chứng cứ khác chứng minh việc giao nhận số tiền vay 350.000.000 đồng, lời khai của những người làm chứng chưa bảo đảm tính khách quan, chưa đủ căn cứ để chứng minh quan hệ vay tài sản giữa các bên.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Đ1 được thực hiện đúng theo quy định tại các 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Căn cứ nội dung đơn kháng cáo của ông Lê Văn Đ1, cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm bị kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Tấn Đ, thấy rằng:

[2.1] Theo yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng ngày 08/01/2023 bà có cho ông Lê Tấn Đ vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 08/01/2025, hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023 và đây là căn cứ để yêu cầu ông Đ thanh toán tiền gốc và tiền lãi.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không thừa nhận có vay tiền của bà L, đồng thời xác định ông không viết, không ký Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023.

[2.2] Tại cấp sơ thẩm, mặc dù ông Đ không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy mượn tiền nhưng chưa yêu cầu giám định. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy mượn tiền, lời khai của nguyên đơn và người làm chứng để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, để làm rõ nội dung kháng cáo, ông Đ đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023. Theo Kết luận giám định ngày 16/5/2026 và Kết luận giám định bổ sung ngày 17/6/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên "Lê Tấn Đ" và phần chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023 có phải do ông Lê Tấn Đ ký, viết hay không.

Mặc dù Kết luận giám định không xác định chữ ký, chữ viết là giả hoặc không phải của ông Đ, nhưng đồng thời cũng không xác định được chữ ký, chữ viết đó là của ông Đ. Do đó, Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023 không còn đủ giá trị chứng minh để xác định ông Đ là người trực tiếp lập, ký và xác lập giao dịch vay tài sản như nguyên đơn trình bày.

[2.3] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đưa ra yêu cầu thì phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Trong vụ án này, khi ông Đ không thừa nhận toàn bộ việc vay tiền, phủ nhận chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền và kết quả giám định không xác định được người viết, người ký là ông Đ thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà L.

Ngoài Giấy mượn tiền, bà L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc thực tế đã giao số tiền 350.000.000 đồng cho ông Đ, như tài liệu thể hiện việc rút tiền, chuyển khoản, giao nhận tiền trong khi ông Đ không thừa nhận khoản nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L còn trình bày trong tổng số tiền 350.000.000 đồng thì có 50.000.000 đồng là khoản cho vay trước đó nhưng không nhớ thời điểm giao tiền, không xác định được cụ thể thời gian, địa điểm, hình thức giao tiền. Nội dung này không phù hợp với lời trình bày trong đơn khởi kiện về việc giao đủ toàn bộ số tiền vào ngày 08/01/2023, thể hiện sự thiếu thống nhất về diễn biến giao dịch.

[2.4] Đối với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Quốc T3, đây chỉ là bản tường trình do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng này không ký chứng kiến trong biên nhận ngày 08/01/2023. Mặt khác, bà H và ông T3 đều có mối quan hệ quen biết với bà L, lời khai chỉ thể hiện có chứng kiến việc giao tiền và lập giấy vay nhưng không làm rõ được nguồn gốc số tiền, quá trình giao nhận, số lượng tiền giao, thời gian, địa điểm và các tình tiết cụ thể của việc vay nên không đủ căn cứ xác định ông Đ có vay bà L số tiền 350.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Lê Tấn Đ trả số tiền vay 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để bảo đảm thi hành án không còn căn cứ duy trì. Căn cứ Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

Đối với số tiền bảo đảm mà bà L đã nộp để yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định của pháp luật, bà L được nhận lại toàn bộ số tiền bảo đảm đã nộp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Tấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn Đ.

Sửa toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 228 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu ông Lê Tấn Đ thanh toán số tiền vay 564.939.200 đồng, gồm tiền gốc và tiền lãi theo Giấy mượn tiền ngày 08/01/2023.

2. Huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, đối với các thửa đất số 41,42, cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền bảo đảm là 100. 000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) đã nộp theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2025/QĐ-BPBD ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh) tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh C theo Giấy nộp tiền ngày 07/8/2025, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 26.597.568 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng) nhưng được khấu trừ 12.696.000đ (mười hai triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002539 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp tiếp 13.901.568 đồng (Mười ba triệu, chín trăm lẻ một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

4. Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: 2.411.000đồng (Hai triệu, bốn trăm mười một nghìn đồng), bà L phải chịu toàn bộ (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Tấn Đ không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Đ 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007544 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

